

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58/2021/HS-ST**

Ngày 14/10/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nhâm Đức Hùng**

2/ Ông **Nguyễn Duy Khương**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 33/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1999 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1955 và bà Lê Lê Thị Mỹ L1, sinh năm 1961; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2021, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh **Nguyễn Đức H**, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Trú tại: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh K

Người có quyền lợi liên quan: Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1943 (có mặt)

Trú tại: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ, ngày 31 tháng 12 năm 2020 Nguyễn Ngọc T cư trú ấp P, xã M, huyện C, tỉnh K đang ở nhà thì có Nguyễn Đức H (H là bạn của T) điều khiển xe mô tô hiệu Honda, biển số kiểm soát 68T1-252.36 chạy đến rủ T đi uống cà phê. Sau khi uống cà phê xong, H cùng T quay lại nhà của T. Lúc này, do cần có xe đi công việc tại khu vực Cầu Quảng nên T hỏi mượn xe của H thì H đồng ý, T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 68T1-252.36 chạy đi công việc, trên đường đi T mở cốp xe thì thấy giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đức H nên nảy sinh ý định đem xe mô tô trên đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định trên, T đi đến nhà của anh Trần Trung N, sinh năm 2001, cư trú: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh K để nhờ N dẫn đi cầm xe thì N đồng ý (T không nói cho N biết xe từ đâu mà có). Sau đó, cả hai đi đến dịch vụ cầm đồ “Nguyễn H1” tại ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành. Tại đây, T đưa giấy chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận đăng ký xe đứng tên Nguyễn Đức H cho ông Nguyễn Văn H1 và yêu cầu ông H1 cầm với số tiền 3.000.000 đồng. Ông H1 nghĩ T chính là Nguyễn Đức H nên đã đồng ý nhận cầm cố chiếc xe trên. Sau khi cầm được xe, T nhờ N đem giấy cầm xe lại cho H và hứa sẽ chuộc lại xe trả cho H. Tuy nhiên, đến ngày 01 tháng 01 năm 2021, T tiếp tục quay lại cửa hàng dịch vụ cầm đồ gặp ông H1 để tiếp tục cầm cố thêm số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền lấy được T tiêu xài cá nhân hết và không có khả năng trả lại.

Ngày 04 tháng 01 năm 2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành tiến hành mời T về làm việc. Tại Cơ quan điều tra T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 03/KL-HĐTĐGTS, ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, Future F1, màu đen ghi, Biển số: 68T1-252.36 số khung 5389EZ015531, số máy JC54E3024297 có giá trị tại thời điểm yêu cầu định giá là 15.572.000 đồng.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Ngọc T có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Đức H các tài sản gồm: 01 mô tô nhãn hiệu Honda, Future F1, màu đen ghi, Biển số: 68T1-252.36 số khung 5389EZ015531, số máy JC54E3024297; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 032166 mang tên Nguyễn Đức H; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 371919088 mang tên Nguyễn Đức H và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Đức H.

Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi vụ án xảy ra bị hại là anh Nguyễn Đức H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu Nguyễn Ngọc T trả lại số tiền 13.000.000 đồng là tiền ông đã bỏ ra để cầm cố xe, T đồng ý bồi thường nhưng đến nay chưa bồi thường.

Đối với lời khai của Nguyễn Ngọc T, có nhờ Trần Trung N dẫn đi cầm cố tài sản. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập Trần Trung N để làm việc. Tuy nhiên, N không có mặt tại địa phương. Vì vậy không thể lấy lời khai của N về vấn đề trên. Khi nào làm việc được với N sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn H1 là chủ dịch vụ cầm đồ “Nguyễn H1” có hành vi cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ của chủ sở hữu cho người mang tài sản đi cầm cố. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã chuyển hồ sơ cho đơn vị có thẩm quyền để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Tại bản cáo trạng số: 40/CT-VKS-CT ngày 21/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ N quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc T** từ 09 đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo phải trả lại cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền 13.000.000 đồng.

Bị cáo và người có quyền lợi liên quan không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào khoảng 15 giờ, ngày 31/12/2020 Nguyễn Ngọc T đang ở nhà tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh K thì anh Nguyễn Đức H điều khiển xe mô tô hiệu Honda, biển số kiểm soát 68T1-252.36 chạy đến rủ T đi uống cà phê. Sau khi uống cà phê xong, cả hai quay về nhà T. Tại đây, T hỏi mượn chiếc xe của H chạy ra Cầu Quảng có việc chút về trả thì H đồng ý. Sau đó, T lấy xe chạy đi, trên đường đi T mở cốp xe ra thì thấy trong xe có sẵn giấy chứng minh nhân dân và các giấy tờ xe của anh H nên nảy sinh ý định đem xe đi cầm. Sau đó, T điều khiển đi xe lại tiệm cầm đồ “Nguyễn H1” địa chỉ tại ấp Phước Lợi cầm được 13.000.000 đồng rồi lấy tiền tiêu xài cá nhân hết, dẫn đến không có khả năng trả lại cho anh H. Theo kết quả định giá thì chiếc xe mà T chiếm đoạt của anh H có giá trị là 15.572.000 đồng.

Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự thì “Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người

khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

Đối chiếu với quy định nêu trên thì hành vi của Nguyễn Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” như đã viện dẫn.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người trưởng thành nên có đủ năng lực nhận thức được lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi sai trái và có thể sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Mặc dù biết được hậu quả gây ra, thế nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên sau khi được anh H tin tưởng giao xe cho bị cáo mượn và rồi bị cáo phát hiện trong cốp xe anh H có để sẵn giấy chứng minh nhân dân và các giấy tờ xe bị cáo liền nảy sinh ý định chiếm đoạt bằng cách đem xe đi cầm để lấy tiền tiêu xài cho bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo ít nhiều gì cũng đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống vật chất của người bị hại, gây mất lòng tin cho bị hại trong cuộc sống và tạo dư luận xấu trong xã hội. Với hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX nghị án thảo luận cần có mức án tương xứng và cần tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để cân nhắc hình phạt khi lượng hình là phù hợp.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

7.1 Trong quá trình điều tra người bị hại anh Nguyễn Đức H đã nhận lại chiếc xe bị chiếm đoạt cùng với các giấy tờ có liên quan nên anh H không yêu cầu bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác nên HĐXX không xem xét.

7.2 Đối với người có quyền lợi liên quan ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu bị cáo phải trả lại cho ông số tiền 13.000.000 đồng mà ông đã bỏ ra cầm xe từ bị cáo, ngoài ra không yêu cầu gì thêm, bị cáo đồng ý trả lại số tiền trên theo yêu cầu của ông H1 nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên để xem xét.

[8] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Không có nên không xem xét.

[9] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc T 09** (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 11/3/2021.

Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự xử, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận là bị cáo sẽ trả lại cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền đã cầm xe là 13.000.000 đồng.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và $(13.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 650.000 \text{ đồng}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bị cáo và người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo và bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong